HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 1 và một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQHĐND ngày 06/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Đắk Lắk năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ XI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về xử lý khó khăn, vướng mắc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về khu công nghiệp, địa chất, khoáng sản;

Căn cứ Quyết định 400-QĐ/TU ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế khối chính quyền địa phương năm 2026;

Căn cứ Kết luận số 333-KL/TU ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức cán bộ;

Xét Tờ trình số 470/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề xuất điều chỉnh biên chế công chức trong các cơ quan hành chính cấp tỉnh năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 301/BC-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 473/BC-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý

kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 1 và một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQHĐND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính, phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Đắk Lắk năm 2026 như sau:

1. Điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 1 thành:

"a) Biên chế cán bộ, công chức giao cấp tỉnh: **1.821** biên chế, trong đó giao cho sở, ngành thuộc cấp tỉnh là **1.815** biên chế và dự phòng **06** biên chế."

2. Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND:

"a) Số lượng cơ quan, đơn vị phân bổ: 15 sở, ban, ngành.

b) Biên chế đối với Ban Quản lý các khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắk Lắk là **42** biên chế.

c) Điều chỉnh biên chế đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường: từ **515** biên chế xuống còn **502** biên chế.

d) Điều chỉnh biên chế đối với Sở Công thương: từ **149** biên chế lên thành **162** biên chế.

đ) Điều chỉnh biên chế dự nguồn tinh giản biên chế: từ **09** biên chế xuống còn **06** biên chế.".

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ

họp Chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH PHỤ LỤC BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 38/NQ-HĐND NGÀY 06 THÁNG 8 NĂM 2026 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Đối tượng phân bổ	Số lượng biên chế cán bộ, công chức	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
TỔNG CỘNG		**1.821**	
I	**Các Sở, ban, ngành:**	**1.815**	
1	Sở Xây dựng	119	
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	502	giảm 13
3	Sở Tài chính	141	
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	71	
5	Sở Tư pháp	46	
6	Sở Công thương	162	tăng 13
7	Sở Khoa học và Công nghệ	70	
8	Sở Y tế	90	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	68	
10	Sở Nội vụ	105	
11	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	53	
12	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	114	

13	Thanh tra tỉnh	185	
14	Sở Dân tộc và Tôn giáo	47	
15	Ban Quản lý các khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắk Lắk	42	
II	**Dự nguồn tinh giản biên chế**	**6**	